

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 7 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về báo chí đợt 7 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 1303-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 14/9/2025 đến ngày 09/11/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Lê Đức Thúy An	27.10.2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004907	NVBC07/2025.01	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	15.4.1992	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004908	NVBC07/2025.02	
3	Phạm Thị Lan Anh	19.01.1995	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004910	NVBC07/2025.03	
4	Bùi Phương Anh	31.01.1995	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004911	NVBC07/2025.04	
5	Trịnh Thị Như Bình	10.5.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004912	NVBC07/2025.05	
6	Đinh Diệu Châu	08.6.2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	HBT/BD 004913	NVBC07/2025.06	
7	Đinh Thị Linh Chi	27.11.2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004914	NVBC07/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Lý Thị Kiều Chinh	10.8.2003	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	HBT/BD 004915	NVBC07/2025.08	
9	Nguyễn Lê Văn Danh	30.4.2003	Bình Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004916	NVBC07/2025.09	
10	Đỗ Duy Đồng	14.9.1989	Phú Thọ	Nam	Kinh	HBT/BD 004917	NVBC07/2025.10	
11	Nguyễn Thu Hà	10.8.1982	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004918	NVBC07/2025.11	
12	Nguyễn Thị Hà	12.10.1990	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004919	NVBC07/2025.12	
13	Phan Huệ Nguyệt Hà	26.4.2005	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	HBT/BD 004920	NVBC07/2025.13	
14	Tô Thị Hiệp	19.12.1990	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004921	NVBC07/2025.14	
15	Nguyễn Thị Hoa	10.9.1976	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004922	NVBC07/2025.15	
16	Tăng Thị Thúy Hồng	07.3.2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BD 004923	NVBC07/2025.16	
17	Trần Thị Thu Hương	26.8.1983	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004924	NVBC07/2025.17	
18	Đinh Thị Hường	11.12.1972	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004925	NVBC07/2025.18	
19	Bùi Khánh Huyền	26.01.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004926	NVBC07/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Bùi Thành Khoa	21.10.1987	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004927	NVBC07/2025.20	
21	Nguyễn Hồng Lê	12.10.1986	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004928	NVBC07/2025.21	
22	Nguyễn Bá Diệu Linh	23.6.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004929	NVBC07/2025.22	
23	Chu Khánh Linh	16.7.2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004930	NVBC07/2025.23	
24	Nguyễn Phương Loan	17.9.1984	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004931	NVBC07/2025.24	
25	Nguyễn Minh Lộc	08.7.1986	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004932	NVBC07/2025.25	
26	Phạm Thị Kim Luyến	16.4.1995	Sông Bé	Nữ	Kinh	HBT/BD 004933	NVBC07/2025.26	
27	Nguyễn Nhật Minh	20.5.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004934	NVBC07/2025.27	
28	Phạm Thu Minh	20.8.2001	Kiên Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004935	NVBC07/2025.28	
29	Nguyễn Đình Mỹ	07.12.1988	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	HBT/BD 004936	NVBC07/2025.29	
30	Nguyễn Hoàng Nam	05.12.1985	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004937	NVBC07/2025.30	
31	Dương Trọng Nghĩa	11.7.1994	Long An	Nam	Kinh	HBT/BD 004938	NVBC07/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Trịnh Khánh Nhi	28.12.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004939	NVBC07/2025.32	
33	Đặng Thị Hải Oanh	22.12.2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BD 004940	NVBC07/2025.33	
34	Lê Đình Quang	09.5.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004941	NVBC07/2025.34	
35	Dương Ngọc Thái	18.4.1986	Hà Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 004942	NVBC07/2025.35	
36	Nguyễn Thị Diệp Thanh	19.9.1988	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 004943	NVBC07/2025.36	
37	Bùi Lê Phương Thảo	04.01.2003	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004944	NVBC07/2025.37	
38	Lê Đình Thiện	02.5.1988	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004945	NVBC07/2025.38	
39	Nguyễn Anh Thơ	10.6.1985	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004946	NVBC07/2025.39	
40	Võ Thị Trúc Thủy	06.3.1987	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004947	NVBC07/2025.40	
41	Dương Thị Thu Trà	05.10.2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	HBT/BD 004948	NVBC07/2025.41	
42	Phùng Thế Trang	21.7.1987	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004949	NVBC07/2025.42	
43	Phùng Thị Thùy Trang	27.3.2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004950	NVBC07/2025.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
44	Đoàn Bá Trường	18.10.1970	Hà Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004951	NVBC07/2025.44	
45	Nguyễn Phạm Khoa Trường	31.7.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004952	NVBC07/2025.45	
46	Trần Danh Trường	13.9.1980	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 004953	NVBC07/2025.46	
47	Lê Ánh Tuyết	02.02.1987	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004954	NVBC07/2025.47	
48	Hoàng Bảo Vân	16.9.1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004988	NVBC07/2025.48	

Tổng số: 48 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang